

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA H'DRAI
TỈNH KON TUM**

Bản án số: 04/2020/HS-ST

Ngày: 18/5/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI TỈNH KON TUM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phú Lợi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông A Khiên

Bà Lò Thị Sai

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Phạm Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường xét xử hình sự, Tòa án nhân dân huyện Ia H'Drai đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2020/TLST-HS ngày 10/3/2020 theo Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 13 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo:

Hoàng Văn H; tên gọi khác: Không. Sinh ngày 21/7/1995 tại NA. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi ĐKKHKT: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K. Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Hoàng Văn C, sinh năm: 1961 và bà Lê Thị P, sinh năm: 1965 đều sống tại xã Đ, huyện T, tỉnh N. Gia đình bị cáo có năm anh chị em, bị cáo là út trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 17/4/2020 bị cáo Hoàng Văn H bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 27/4/2020 bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và đã được Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn ra thông báo về việc kháng cáo số 05/2020/TB-TA ngày 05/5/2020. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/11/2019 cho đến nay - Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Từ Công D, sinh năm 1973 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/5/2020) và chị Lương Thị H, sinh năm 1973 (có mặt). Cùng cư trú tại: Thôn 2, xã I, huyện I, tỉnh K.

2. Chị Lê Thị H, sinh năm 1974 (có mặt) và anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1972 (có mặt). Cùng cư trú tại: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K.

3. Anh Hoàng Xuân T, sinh năm 1992 (có mặt) và chị Trương Thị S, sinh năm 1992 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17/5/2020). Cùng cư trú tại: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K.

4. Chị Lô Thị H, sinh năm 1981 (có mặt) và anh Lào Văn B, sinh năm 1985 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 14/5/2020). Cùng cư trú tại: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K.

5. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 (có mặt) và anh Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1991 (có mặt). Cùng cư trú tại: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K.

6. Anh Nguyễn Phúc Q, sinh năm 1983 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 17/5/2020) và chị Võ Thị B, sinh năm 1987 (có mặt). Cùng cư trú tại: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Trần Thị Ngọc H. Sinh năm 1985. Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/5/2020)

2. Anh Lương Khảm K. Sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn I, xã I, huyện I, tỉnh K. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/5/2020)

- *Người làm chứng:* Anh Lô Văn T. Sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn I, xã I, huyện I, tỉnh K. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Hoàng Văn H, sinh năm 1995, trú tại thôn 7, xã I, huyện I là đối tượng nghiện ma túy; vì muốn có tiền để mua ma túy về sử dụng và tiêu xài cá nhân nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người dân trên địa bàn huyện để bán lấy tiền. Trong khoảng thời gian từ ngày 13/8/2019 đến ngày 16/8/2019 Hoàng Văn H đã thực hiện tất cả năm lần trộm cắp tài sản. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 21 giờ 00 ngày 13/08/2019, khi đi đến căn nhà gỗ của ông Từ Công D (SN: 1973; HKTT: Thôn 2, xã I, huyện I), thuộc thôn 1, xã I, huyện I, sau khi quan sát không có người, H đã đi ra phía cuối bên hông nhà rồi trèo lên ô trống phía trên vào nhà lấy trộm 01 cái máy bơm nước có kí hiệu “HN” của ông D rồi xách máy bơm đi ra ngoài, sau đó nhanh chóng bỏ lên xe mô tô của mình mang BKS 37 – Z5 2154 chở về khu vực lô cao su gần nhà máy mì thuộc thôn 1, xã I để cất giấu. Đến trưa ngày 14/08/2019, H đi vào trung tâm huyện I, tại đây H thấy bảng mua phế liệu của chị Trần Thị Ngọc H (SN: 1985; Nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I) nên gọi điện hỏi bán máy bơm thì được chị H đồng ý, sau đó H chở máy bơm vào nhà chị H, tại đây chị H hỏi nguồn gốc chiếc máy bơm thì H nói: “Nhà có rẫy Cà phê ở thôn 1, xã I nhưng do diện tích lớn, làm không đủ

công và bán cho người ta, còn dư nhiều máy bơm” nên chị H đồng ý mua và trả cho H 450.000^d (bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Lần thứ hai: Vào khoảng 21 giờ 00 phút ngày 14/08/2019, H đi đến giếng nước của bà Lê Thị H (SN: 1974; Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K) nằm trong lô cao su tại thôn 7, xã I, huyện I, tại đây quan sát không có ai, H kéo máy bơm nước lên rồi dùng dao chặt dây điện và dây thùng, sau đó nhanh chóng bỏ lên xe máy của mình chở về khu vực lô cao su gần nhà máy mì cất giấu.

Lần thứ ba: Vào khoảng 22 giờ 00 ngày 14/08/2019 H đi về khu vực gần nhà mình tại thôn 7, xã I, huyện I, thấy trời đã tối, mọi người đi ngủ, H tiếp tục thực hiện ý định trộm cắp tài sản là máy bơm nước tại giếng nước gần đó, quan sát không có người, H kéo từ dưới giếng nước lên 01 (một) máy bơm nước loại nhỏ, hiệu “DAPHOVINA” của nhà anh Hoàng Xuân T (SN: 26/07/1992; HKTT: Thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K), rồi dùng dao chặt dây điện, tháo dây treo và ống nối để lên bờ, sau đó H tiếp tục kéo từ dưới giếng lên 01 (một) máy bơm nước hiệu “Hồng Đức” của chị Lô Thị H (SN: 10/07/1981; HKTT: thôn 7, xã I, huyện I, tỉnh K), rồi dùng dao chặt dây điện, tháo dây treo và ống nối, sau đó nhanh chóng mang lần lượt hai máy bơm trên lên xe chở về khu vực gần nhà máy mì nơi H cất giấu máy bơm trước đó. Đến trưa ngày 15/08/2019 H tiếp tục gọi điện cho chị H hỏi bán máy bơm thì được chị H đồng ý mua, sau đó H chở máy bơm nước vào nhà chị H, do tin vào việc H bán rẫy có nhiều máy bơm nên chị H đồng ý mua và trả cho H 300.000 (ba trăm ngàn đồng) sau đó H đi về. Trưa ngày 16/08/2019 H tiếp tục gọi điện cho chị H hỏi bán máy bơm nước thì được chị H đồng ý mua, sau đó H chở máy bơm nước vào nhà chị H, tại đây chị H mua và trả cho H 300.000^d (ba trăm ngàn đồng).

Lần thứ tư: Vào khoảng 14 giờ 00 ngày 16/08/2019, H đi đến khu vực nhà chị Nguyễn Thị T (SN: 1989; HKTT: Thôn 1, xã I, huyện I) trú tại thôn 1, xã I, huyện I, quan sát không có ai, H bắt đầu đi ra cửa sau nhà bếp, rồi dùng tay gỡ móc sắt phía trong đi vào nhà và lấy trộm 01 máy phun thuốc cỏ động cơ bơm xăng, ký hiệu “KM676” của gia đình chị T, sau đó H mang về nơi cất giấu tại khu vực gần nhà máy mì nơi H cất giấu các máy bơm trước đó. Khoảng 16 giờ 00 cùng ngày, H gọi điện thoại hỏi bán máy bơm thì được chị H đồng ý, sau đó H dùng xe máy của mình chở máy bơm nước cùng máy phun thuốc cỏ vào nhà chị H, tại đây do tin việc nhà H làm rẫy cà phê nên chị H đồng ý mua và trả trước cho H 400.000^d, phần còn lại đưa sau.

Lần thứ năm: Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 16/08/2019, H đi đến nhà anh Nguyễn Phúc Q (SN: 1983; HKTT: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K) tại thôn 1, xã I, tại đây khi nhìn thấy xe ô tô cạnh nhà gần bình ắc quy nhãn hiệu “DONGNAI” phía dưới thùng gần đầu xe của anh Q, quan sát không thấy ai, H lấy kèm tháo ốc bình ắc quy, dùng con dao rựa cắt dây điện rồi nhanh chóng bỏ

lên phía trước xe máy của mình chở về khu vực gần nhà máy mì cất giấu. Đến sáng ngày 17/08/2019 H gọi điện cho chị H hỏi lấy tiền thì được chị H hẹn ra Gia Lai, H rủ Lô Văn T (SN: 05/05/1981; HKTT: Thôn I, xã I, huyện I, tỉnh K) đi cùng ra Gia Lai, khi đến nơi chị H đưa cho H 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) số tiền còn lại. Tổng cộng H nhận từ chị H số tiền bán máy bơm và máy phun thuốc cỏ là 1.750.000 đồng. Sau khi nhận tiền H bảo T ngồi đợi ở quán nước để H đi có việc và H đã một mình đi đến khu vực bến xe Gia Lai để tìm và hỏi mua ma túy của một người không rõ tên tuổi, địa chỉ với số tiền là 300.000đ để về sử dụng. Sau khi mua được ma túy, H quay lại và chở T về lại huyện I.

Đến sáng ngày 18/08/2019 H gọi điện cho Lô Văn T (SN: 05/05/1981; HKTT: Thôn I, xã I, huyện I, tỉnh K) nói “Có bình ắc quy của ông anh rề có ai mua thì bán” thì T đồng ý, rồi H hẹn T ra khu vực cầu 90, thôn 1, xã I, tại đây T dẫn theo Lương Khăm K (người nhờ T mua giùm bình ắc quy), K đưa cho T 400.000^d (bốn trăm ngàn đồng), T cầm số tiền trên đưa cho H rồi nói “mang về dùng thử nếu được sẽ đưa nốt hai trăm ngàn”, sau khi nhận tiền thì H đi về, khoảng hai ngày sau H gọi điện thoại cho T hỏi số tiền còn lại và nói bớt cho T 100.000^d (một trăm ngàn đồng), sau đó T có đưa cho H 100.000^d (một trăm ngàn đồng). Tổng cộng H nhận của T là 500.000 đồng tiền bán bình ắc quy.

Số tiền có được từ việc phạm tội ngoài một lần mua ma túy thì H đã tiêu xài hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi lại được. Vụ việc sau đó bị phát hiện, ngày 25/08/2019 Công an xã Ia Tori đã tiến hành kiểm tra và tạm giữ 04 máy bơm nước đã qua sử dụng và 01 máy phun thuốc cỏ của chị Trần Thị Ngọc H (sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn 1, xã I, huyện I, tỉnh K) và chuyển cho Cơ quan CSĐT thụ lý giải quyết tin báo theo thẩm quyền.

Ngày 13/11/2019 Hoàng Văn H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ia H'Drai để đầu thú về hành vi phạm tội trước đó đã gây ra trên địa bàn huyện I, Tỉnh K. Tại Cơ quan CSĐT - Công an huyện, Hoàng Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 30b/2019/KL-HĐĐG ngày 06/09/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum đã kết luận giá trị còn lại của các tài sản như sau: Tổng giá trị xác định là: 5.483.000 đồng (Năm triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng).

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 10 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H'Drai, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Hoàng Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Hoàng Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Bị cáo thành khẩn khai báo, đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 14 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 13/11/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Trả 01 máy bơm nước loại lớn, có chữ HN nổi trên nắp máy đã qua sử dụng; 01 máy bơm nước không rõ ký hiệu đã qua sử dụng; 01 máy bơm nước hiệu Hồng Đức, 1,5 mã lực đã qua sử dụng; 01 máy bơm nước loại nhỏ, hiệu DAPHOVINA đã qua sử dụng; 01 máy phun thuốc cỏ động cơ bơm xăng, ký hiệu KM676 đã qua sử dụng; 01 bình ắc quy màu đen 12V-90AH, nhãn hiệu DONGNAI, số CMF 105D31R tay xách màu đỏ đã qua sử dụng cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe máy nhãn hiệu DREAM II, màu tím mang BKS: 37Z5-2154; số khung: HY71000372; số máy: 000242; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bàn phím bấm. Tịch thu tiêu hủy 01 con dao quắm có chiều dài 70 cm, cán dao làm bằng gỗ có chiều dài 27 cm; 01 chiếc ba lô đã qua sử dụng, màu đỏ đen có ký hiệu “PUMA”.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA 83, màu hồng nhạt đã trả lại cho chị Trần Thị Ngọc H là có căn cứ nên không đề cập; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen có gắn 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu L8STAR màu cam có gắn 01 sim không liên quan đến vụ án, đã trả lại cho Hoàng Văn H là có phù hợp nên không xét.

Các loại giấy tờ, phiếu bảo hành, đoạn dây còn lại của máy bơm do những người bị hại giao nộp để chứng minh nguồn gốc tài sản bị mất đã được trả lại cho các bị hại nên không đề cập.

Đối với số tiền 2.250.000đ mà Hội có được khi tiêu thụ tài sản đã trộm cắp, là thu lợi bất chính, hiện H đã tiêu xài hết và không thu hồi được do đó Hoàng Văn H có nghĩa vụ phải nộp lại số tiền 2.250.000 đ vào ngân sách Nhà nước theo khoản 1 Điều 47 BLHS.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như đúng nội dung trong cáo trạng Viện kiểm sát. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị mớm cung, ép cung hay dùng nhục hình buộc phải nhận tội. Đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là đúng, bị cáo không tranh luận gì, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Những người bị hại đều không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu nhận lại tài sản đã bị mất và không yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết hành vi của mình là sai trái, bị cáo rất hối hận và gửi lời xin lỗi đến gia đình các bị hại. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của bị cáo, và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Ia H'Drai, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên huyện Ia H'Drai trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bị hại là anh Từ Công D, chị Trương Thị S, anh Lào Văn B, anh Nguyễn Phúc Q, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Ngọc H và anh Lương Khăm K, người làm chứng là anh Lô Văn T vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự là có căn cứ.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người làm chứng, phù hợp với biên bản thực nghiệm điều tra, bản kết luận về việc định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 13 đến ngày 16/8/2019, bị cáo Hoàng Văn H, sinh năm 1995 đã có hành vi lén lút, đột nhập và lấy đi số tài sản gồm 04 máy bơm nước, 01 máy phun thuốc cỏ và 01 bình ắc quy của gia đình các bị hại là anh Từ Công D, bà Lê Thị H, anh Hoàng Xuân T, chị Lô Thị H, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Phúc Q đều đang sinh sống trên địa bàn huyện I. Sau đó đem cất giấu tại khu vực lô cao su gần Nhà máy mì Thôn 1, xã I rồi bán lại cho chị Trần Thị Ngọc H bốn lần gồm 04 máy bơm và 01 bình phun thuốc cỏ được số tiền là 1.750.000 đồng; bán cho anh Lương Khăm K 01 bình ắc quy với số tiền 500.000đ. Tuy mỗi lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, giá trị tài sản đều dưới 2.000.000 đồng, dưới mức tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng hành vi của bị cáo được thực hiện liên tục, kế tiếp nhau về mặt thời gian, vụ việc bị phát hiện cùng thời điểm nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm tương ứng theo tổng giá trị tài sản của các lần trộm cắp là 5.483.000 đồng.

Tổng hợp hành vi và hậu quả, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như Cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 10/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia H’Drai, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm tới tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái nhưng do bản tính ham chơi, lười lao động mà vẫn muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bất chấp thực hiện hành vi phạm tội, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Không những vậy, trong khoảng thời gian bị cáo sinh sống tại quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng, bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản và đã bị Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng tuyên phạt 2 năm tù về tội trộm cắp tài sản vào ngày 17/4/2020. Tuy bản án chưa có hiệu lực pháp luật, bị cáo chưa có tiền án nhưng xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, lại là đối tượng nghiện ma túy tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian có như thế mới cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo đã ra đầu thú. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Nghĩ nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không áp dụng đối với bị cáo.

Ngoài ra, trong vụ án có chị Trần Thị Ngọc H và anh Lương Khăm K có mua lại tài sản của bị cáo nhưng vì không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự hành vi này đối với chị H và anh K là có cơ sở. Trong quá trình điều tra, bị cáo Hoàng Văn H có khai nhận trong giai đoạn tin báo số tài sản trộm cắp là do Hoàng Hải H thực hiện. Tuy nhiên, quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã làm rõ Hoàng Hải H hoàn toàn không liên quan đến vụ án; bản thân H không yêu cầu gì về việc H đổ tội, vụ không cho mình nên không xử lý đối với H về hành vi này là phù hợp.

Đối với các đối tượng khác đã có hành vi mua, bán trái phép chất ma túy với Hoàng Văn H, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra nhưng chưa xác định được các đối tượng này nên sẽ tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau. Đối với Lô Văn Thái, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã làm rõ không có việc H đưa tiền cho T để mua ma túy đồng thời quá trình T giúp H tìm người mua bình ắc quy, bản thân T hoàn toàn không biết đó là tài sản trộm cắp nên không xem xét.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Những người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, chỉ yêu cầu được nhận lại tài sản đã bị mất. Đối với số tiền 2.250.000đ mà H có được khi tiêu thụ tài sản đã trộm cắp, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Tuy nhiên, chị Trần Thị Ngọc H và anh Lương Khăm K không yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền trên nên không đề cập.

- **Về xử lý vật chứng:**

Đối với 01 máy bơm nước loại lớn, có chữ HN nổi trên nắp máy đã qua sử dụng của vợ chồng anh Từ Công D và chị Lương Thị H; 01 máy bơm nước không rõ ký hiệu đã qua sử dụng của vợ chồng chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân L; 01 máy bơm nước hiệu Hồng Đức, 1,5 mã lực đã qua sử dụng của vợ chồng chị Lô Thị H và anh Lào Văn B; 01 máy bơm nước loại nhỏ, hiệu DAPHOVINA đã qua sử dụng của anh Hoàng Xuân T và chị Trương Thị S; 01 máy phun thuốc cỏ động cơ bơm xăng, ký hiệu KM676 đã qua sử dụng của vợ chồng anh Nguyễn Hữu Q, chị Nguyễn Thị T; 01 bình ắc quy màu đen 12V-90AH, nhãn hiệu DONGNAI, số CMF 105D31R tay xách màu đỏ đã qua sử dụng của vợ chồng anh Nguyễn Phúc Q, chị Võ Thị B. Đây là tài sản hợp pháp của người bị hại nên tuyên trả lại cho những người bị hại là phù hợp.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu DREAM II, màu tím mang BKS: 37Z5-2154; số khung: HY71000372; số máy: 000242; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bàn phím bấm là phương tiện, công cụ Hoàng Văn H dùng để thực hiện hành vi phạm tội. Còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung ngân sách nhà nước. Đối với 01 chiếc ba lô đã qua sử dụng, màu đỏ đen có ký hiệu “PUMA”, 01 con dao quắm có chiều dài 70 cm, cán dao làm bằng gỗ có chiều dài 27 cm không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPOA 83, màu hồng nhạt của chị Trần Thị Ngọc H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh đen có gắn 01 sim; 01 điện thoại di động nhãn hiệu L8STAR màu cam có gắn 01 sim của Hoàng Văn H. Qua điều tra xác minh xét thấy không liên quan đến vụ án, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy việc trả tài sản của cơ quan điều tra là có cơ sở nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Các loại giấy tờ, phiếu bảo hành, đoạn dây còn lại của máy bơm do những người bị hại giao nộp để chứng minh nguồn gốc tài sản bị mất đã được trả lại cho các bị hại là có căn cứ nên không xem xét. Đối với 01 kim đã qua sử dụng mà bị cáo khai dùng làm công cụ thực hiện hành vi phạm tội, hiện đã mất, không thu hồi được nên không đề cập.

Riêng đối với số tiền 2.250.000đ mà H có được khi tiêu thụ tài sản đã trộm cắp, là tiền do phạm tội mà có. Tuy nhiên, bị cáo H đã tiêu xài cá nhân hết. Do đó, buộc bị cáo Hoàng Văn H phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 2.250.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- **Về án phí:** Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn H 14 (Mười bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 13/11/2019. Tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Văn H để bảo đảm thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

Trả 01 máy bơm nước loại lớn, có chữ HN nổi trên nắp máy đã qua sử dụng cho vợ chồng anh Từ Công D và chị Lương Thị H; trả 01 máy bơm nước không rõ ký hiệu đã qua sử dụng cho vợ chồng chị Lê Thị H và anh Nguyễn Xuân L; trả 01 máy bơm nước hiệu Hồng Đức, 1,5 mã lực đã qua sử dụng cho vợ chồng chị Lô Thị H và anh Lào Văn B; trả 01 máy bơm nước loại nhỏ, hiệu DAPHOVINA đã qua sử dụng cho anh Hoàng Xuân T và chị Trương Thị S; trả 01 máy phun thuốc cỏ động cơ bơm xăng, ký hiệu KM676 đã qua sử dụng cho vợ chồng anh Nguyễn Hữu Q, chị Nguyễn Thị T; trả 01 bình ắc quy màu đen 12V-90AH, nhãn hiệu DONGNAI, số CMF 105D31R tay xách màu đỏ đã qua sử dụng cho vợ chồng anh Nguyễn Phúc Q, chị Võ Thị B.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 xe máy nhãn hiệu DREAM II, màu tím mang BKS: 37Z5-2154; số khung: HY71000372; số máy: 000242; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, bàn phím bấm. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc ba lô đã qua sử dụng, màu đỏ đen có ký hiệu “PUMA”; 01 con dao quắm có chiều dài 70 cm, cán dao làm bằng gỗ có chiều dài 27 cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/ 3/2020 của Công an huyện Ia H’Drai với chỉ cục thi hành án dân sự huyện Ia H’Drai).

Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải nộp lại số tiền 2.250.000 đồng do phạm tội mà có để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Hoàng Văn H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/5/2020) bị cáo, những người bị hại có quyền làm đơn

kháng cáo bản án để xin xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục tố tụng hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Ia H'Drai;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- CCTHA DS huyện Ia H'Drai;
- Công an huyện Ia H'Drai;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Vụ Giám đốc kiểm tra - TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Phòng hồ sơ PV27 công an tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phú Lợi